VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2017/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

2. Các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hoạt động tài chính vi mô bao gồm việc cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng tài chính vi mô, nhận tiền gửi tiết kiệm của khách hàng tài chính vi mô dưới hình thức tiền gửi tiết kiệm bắt buộc, tiền gửi tiết kiệm tự nguyện.

2. Khách hàng tài chính vi mô là cá nhân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình, cá nhân có thu nhập thấp, doanh nghiệp siêu nhỏ.

3. Chương trình, dự án tài chính vi mô là chương trình, dự án hoạt động tài chính vi mô và một hoặc một số hoạt động khác quy định tại khoản 3 Điều 13 Quyết định này nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng tài chính vi mô, không vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần tạo việc làm, thực hiện xóa đói, giảm nghèo.

4. Tổ chức phi chính phủ bao gồm tổ chức phi chính phủ trong nước và tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

5. Tổ chức phi chính phủ trong nước là hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện và các loại hình tổ chức xã hội khác do cá nhân, tổ chức thành lập hoạt động thường xuyên nhằm mục đích hỗ trợ phát triển, không vì mục tiêu lợi nhuận phù hợp với Điều lệ và quy định của pháp luật Việt Nam.

6. Tổ chức phi chính phủ nước ngoài là tổ chức phi chính phủ, các quỹ xã hội, quỹ tư nhân và các loại hình tổ chức xã hội, tổ chức phi lợi nhuận thành lập theo pháp luật nước ngoài được phép hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

7. Tiết kiệm bắt buộc là số tiền mà khách hàng tài chính vi mô phải gửi theo quy định của chương trình, dự án tài chính vi mô.

8. Tiết kiệm tự nguyện là số tiền khách hàng tài chính vi mô tự nguyện gửi vào chương trình, dự án tài chính vi mô.

9. Vốn thực hiện tài chính vi mô là vốn được giao, vốn được cấp, quỹ được giao để chuẩn bị và thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô.

10. Người quản lý, điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô là Trưởng Ban quản lý hoặc Giám đốc hoặc chức danh tương đương, chịu trách nhiệm về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô theo quy định tại Quyết định này.

Chương II
ĐĂNG KÝ, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TÀI CHÍNH VI MÔ

Điều 4. Điều kiện đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải thực hiện việc đăng ký theo quy định tại Quyết định này khi thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô.

2. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô (sau đây gọi là Giấy chứng nhận đăng ký) khi đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có vốn thực hiện tài chính vi mô hợp pháp theo quy định của pháp luật;

b) Có cơ cấu tổ chức chương trình, dự án tài chính vi mô theo quy định tại Điều 10 Quyết định này;

c) Người quản lý, điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô có tối thiểu bằng đại học chuyên ngành về một trong những lĩnh vực kinh tế, ngân hàng, tài chính, kế toán, quản trị kinh doanh hoặc có ít nhất 01 năm kinh nghiệm về hoạt động ngân hàng hoặc hoạt động tài chính vi mô;

d) Có các quy định nội bộ để thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô;

đ) Được Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ đồng ý việc thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô đối với tổ chức phi chính phủ do Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ cấp phép;

e) Được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện, Ủy ban nhân dân cấp phường, xã theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân có thẩm quyền) đồng ý việc thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn.

Điều 5. Hồ sơ đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô

1. Văn bản đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô theo quy định tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Văn bản về việc thành lập, hoạt động của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

3. Văn bản giải trình về nguồn gốc vốn thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô.

4. Cơ cấu tổ chức, quản lý điều hành, kiểm soát dự kiến của chương trình, dự án tài chính vi mô.

5. Sơ yếu lý lịch người quản lý, điều hành dự kiến và hồ sơ chứng minh người quản lý, điều hành có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Quyết định này.

6. Dự thảo các quy định nội bộ theo quy định tại Điều 11 Quyết định này.

Điều 6. Cơ quan thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đối với chương trình, dự án tài chính vi mô có địa bàn hoạt động từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên và các chương trình, dự án tài chính vi mô do các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trực tiếp thực hiện.

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đối với chương trình, dự án tài chính vi mô có địa bàn hoạt động trong phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 7. Trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ gửi trực tiếp (hoặc qua đường bưu điện) hồ sơ quy định tại Điều 5 Quyết định này cho:

a) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này;

b) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này.

2. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ bổ sung đầy đủ hồ sơ.

3. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có

văn bản lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân có thẩm quyền về việc thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của các chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức phi chính phủ quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản:

a) Lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ về việc thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô và địa bàn triển khai chương trình, dự án của tổ chức phi chính phủ do Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ cấp phép;

b) Lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân có thẩm quyền về việc thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân có thẩm quyền phải có ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý bằng văn bản về việc thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô. Trường hợp không đồng ý, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân có thẩm quyền phải nêu rõ lý do. Quá thời hạn nêu trên, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân không có ý kiến thì coi như đồng ý.

4. Đối với trường hợp tại hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ đã có các văn bản cho phép của Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân có thẩm quyền, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không lấy lại ý kiến theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, (hoặc 10 ngày làm việc đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ:

a) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thẩm định, cấp Giấy chứng nhận đăng ký theo mẫu quy định tại Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định này đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này;

b) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thẩm định, cấp Giấy chứng nhận đăng ký theo mẫu quy định tại Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định này đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này.

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ nêu rõ lý do.

6. Trong thời hạn 180 ngày, kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải triển khai thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô. Sau thời hạn nói trên, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ không triển khai thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô, Giấy chứng nhận đăng ký sẽ hết hiệu lực.

7. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp trong các trường hợp sau đây:

a) Hồ sơ đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô có thông tin gian lận;

b) Hết thời hạn thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký;

c) Chương trình, dự án tài chính vi mô có hoạt động vi phạm nghiêm trọng quy định tại Quyết định này và quy định liên quan của pháp luật;

d) Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ tự nguyện chấm dứt hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô;

đ) Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ chấm dứt hoạt động.

8. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải chấm dứt ngay hoạt động kể từ ngày văn bản thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký có hiệu lực thi hành.

Điều 8. Triển khai thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô

1. Tối thiểu 30 ngày trước khi triển khai thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải:

a) Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 10 Quyết định này;

b) Có văn bản giao, cấp vốn thực hiện tài chính vi mô; bổ nhiệm người quản lý, điều hành; ban hành các quy định nội bộ của chương trình, dự án tài chính vi mô;

c) Có trụ sở làm việc, phương tiện, trang thiết bị cần thiết, đảm bảo thuận lợi, an toàn cho hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô.

2. Thông báo công khai tại trụ sở của chương trình, dự án tài chính vi mô và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, hoặc phương tiện truyền thanh

tại địa phương nơi chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động về nội dung hoạt động, phạm vi hoạt động, địa bàn hoạt động, đối tượng khách hàng tài chính vi mô của chương trình, dự án tài chính vi mô tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày hoạt động.

Điều 9. Thay đổi các thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký

1. Trường hợp chương trình, dự án tài chính vi mô mở rộng địa bàn hoạt động ngoài tỉnh, thành phố đã đăng ký, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và thực hiện việc đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 5, Điều 6 và khoản 1 Điều 7 Quyết định này.

2. Trường hợp chương trình, dự án tài chính vi mô có thay đổi về vốn thực hiện tài chính vi mô, trụ sở, người quản lý, điều hành, địa bàn hoạt động trong phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đối tượng khách hàng tài chính vi mô, nội dung hoạt động: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi có thay đổi, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải báo cáo gửi cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này.

Điều 10. Cơ cấu tổ chức của chương trình, dự án tài chính vi mô

1. Chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải có cơ cấu tổ chức như sau:

a) Trường hợp có vốn thực hiện tài chính vi mô từ 3 tỷ đồng trở lên, chương trình, dự án tài chính vi mô tối thiểu có:

(i) Ban quản lý có chức năng, nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô. Trưởng Ban quản lý hoặc chức danh tương đương chịu trách nhiệm về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn; có trách nhiệm phân công cho các thành viên trong Ban quản lý trong việc quản lý, điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô;

(ii) Bộ phận quản lý rủi ro có chức năng quản lý rủi ro hoạt động tài chính vi mô gồm: Trưởng bộ phận hoặc chức danh tương đương và ít nhất 01 nhân viên. Số lượng nhân viên phù hợp với số lượng khách hàng tài chính vi mô, quy mô hoạt động tài chính vi mô;

(iii) Bộ phận cho vay có chức năng thực hiện hoạt động cho vay gồm: Trưởng bộ phận hoặc chức danh tương đương và ít nhất 01 nhân viên. Số lượng nhân viên phù hợp với số lượng khách hàng tài chính vi mô, quy mô hoạt động tài chính vi mô;

(iv) Bộ phận kế toán tài chính, trong đó phải có thủ quỹ và được trang bị tủ, két sắt hoặc phương tiện quản lý tiền, giấy tờ, chứng từ, hóa đơn an toàn;

(v) Bộ phận kiểm soát có chức năng kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô gồm: Trưởng bộ phận hoặc chức danh tương đương và ít nhất 01 nhân viên chuyên trách. Số lượng nhân viên phù hợp với số lượng khách hàng tài chính vi mô, quy mô hoạt động tài chính vi mô; Trưởng bộ phận kiểm soát là chuyên trách và không đảm nhiệm bất kỳ vị trí công tác nào khác. Kiểm soát viên chuyên trách không đảm nhiệm bất kỳ vị trí công tác nào khác.

b) Trường hợp có vốn thực hiện tài chính vi mô dưới 3 tỷ đồng, chương trình, dự án tài chính vi mô phải có:

(i) Giám đốc hoặc chức danh tương đương chịu trách nhiệm về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn;

(ii) Bộ phận quản lý, điều hành gồm tối thiểu phải có 01 nhân viên phụ trách về quản lý rủi ro, 01 nhân viên phụ trách về cho vay, 01 nhân viên phụ trách về kế toán tài chính và 01 kiểm soát viên chuyên trách. Kiểm soát viên chuyên trách không đảm nhiệm bất kỳ vị trí công tác nào khác.

2. Chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên phải có cơ cấu tổ chức như sau:

a) Trường hợp có vốn thực hiện tài chính vi mô từ 3 tỷ đồng trở lên, chương trình, dự án tài chính vi mô phải có:

(i) Ban quản lý theo quy định tại điểm a (i) khoản 1 Điều này, bộ phận quản lý rủi ro theo quy định tại điểm a (ii) khoản 1 Điều này, bộ phận kiểm soát theo quy định tại điểm a (v) khoản 1 Điều này chung cho các địa bàn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô;

(ii) Bộ phận cho vay theo quy định tại điểm a (iii) khoản 1 Điều này, bộ phận kế toán tài chính theo quy định tại điểm a (iv) khoản 1 Điều này tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Trường hợp có vốn thực hiện tài chính vi mô dưới 3 tỷ đồng, chương trình, dự án tài chính vi mô phải có:

(i) Giám đốc hoặc chức danh tương đương theo quy định tại điểm b (i) khoản 1 Điều này, tối thiểu 01 nhân viên phụ trách về quản lý rủi ro, tối thiểu 01 kiểm soát viên chuyên trách chung cho các địa bàn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô. Kiểm soát viên chuyên trách không đảm nhiệm bất kỳ vị trí công tác nào khác;

(ii) Tối thiểu 01 nhân viên phụ trách về cho vay, 01 nhân viên phụ trách về kế toán tài chính tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ban quản lý, Giám đốc, các bộ phận, nhân viên quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này do tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ quy định bằng văn bản.

4. Giám đốc, Trưởng Ban quản lý hoặc chức danh tương đương, Trưởng bộ phận, nhân viên phụ trách về quản lý rủi ro, cho vay, kế toán tài chính, kiểm soát viên chuyên trách quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải có tối thiểu bằng đại học chuyên ngành về một trong những lĩnh vực kinh tế, ngân hàng, tài chính, kế toán, quản trị kinh doanh hoặc có ít nhất 01 năm kinh nghiệm về hoạt động ngân hàng hoặc hoạt động tài chính vi mô.

Điều 11. Quy định nội bộ

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ trong nước; Giám đốc, Trưởng Ban quản lý dự án của tổ chức phi chính phủ nước ngoài phải ban hành các quy định nội bộ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Định kỳ hàng năm, các văn bản nội bộ được rà soát, sửa đổi, bổ sung để đảm bảo quản lý hiệu quả chương trình, dự án tài chính vi mô.

2. Các quy định nội bộ của chương trình, dự án tài chính vi mô bao gồm:

a) Quy định nội bộ về tổ chức, hoạt động của Ban quản lý, trong đó nêu rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban quản lý hoặc chức danh tương đương, của từng thành viên Ban quản lý; quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc và việc phân cấp, ủy quyền trong việc quản lý, điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô;

b) Quy định nội bộ về tổ chức, hoạt động của bộ phận quản lý rủi ro, trong đó quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng bộ phận hoặc tương đương, các thành viên và việc phân cấp, ủy quyền trong việc quản lý rủi ro đối với hoạt động tài chính vi mô.

Trường hợp chỉ có nhân viên phụ trách về quản lý rủi ro, chương trình, dự án tài chính vi mô quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của nhân viên phụ trách về quản lý rủi ro trong việc quản lý rủi ro của chương trình, dự án tài chính vi mô;

c) Quy định nội bộ về tổ chức, hoạt động của bộ phận cho vay, trong đó quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng bộ phận hoặc chức danh tương đương, các thành viên và việc phân cấp, ủy quyền trong việc thẩm định, xét duyệt cho vay, đảm bảo tiền vay, kiểm tra việc sử dụng vốn vay, phân loại nợ và thu hồi nợ, lưu trữ, bảo quản hồ sơ, chứng từ, tài liệu, hóa đơn liên quan đến cho vay, thu nợ.

Trường hợp chỉ có nhân viên phụ trách về cho vay, chương trình, dự án tài chính vi mô quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của nhân viên phụ trách về hoạt động cho vay của chương trình, dự án tài chính vi mô;

d) Quy định nội bộ về tổ chức, hoạt động của bộ phận kế toán tài chính, trong đó quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng bộ phận hoặc chức danh tương đương, các thành viên và việc phân cấp, ủy quyền trong công tác kế toán tài chính, lưu trữ, bảo quản hồ sơ, chứng từ, tài liệu, hóa đơn liên quan đến kế toán tài chính.

Trường hợp chỉ có nhân viên phụ trách về kế toán tài chính, chương trình, dự án tài chính vi mô quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của nhân viên phụ trách về kế toán tài chính của chương trình, dự án tài chính vi mô;

đ) Quy định nội bộ về tổ chức, hoạt động của bộ phận kiểm soát, trong đó quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng bộ phận hoặc chức danh tương đương, các thành viên và việc phân cấp, ủy quyền cho từng thành viên trong việc kiểm soát hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô.

Trường hợp chỉ có kiểm soát viên chuyên trách, chương trình, dự án tài chính vi mô quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của kiểm soát viên chuyên trách trong việc kiểm soát hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô;

e) Quy định nội bộ về cho vay, quản lý tiền vay; quy định nội bộ về tiết kiệm bắt buộc; quy định nội bộ về khách hàng tài chính vi mô và các quy định nội bộ khác liên quan đến hoạt động nghiệp vụ, kiểm tra, kiểm soát, giám sát, phân cấp, ủy quyền đối với hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô.

3. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày ký ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ gửi các quy định nội bộ được ban hành, sửa đổi, bổ sung cho Ngân hàng Nhà nước

Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này.

Chương III
HOẠT ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TÀI CHÍNH VI MÔ

Điều 12. Địa bàn, thời hạn hoạt động

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ được thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn hoạt động của tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ và quyết định thời hạn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô.

2. Địa bàn hoạt động và thời hạn hoạt động được đăng ký và quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký cấp cho chương trình, dự án tài chính vi mô.

Điều 13. Nội dung hoạt động

1. Hoạt động huy động vốn của chương trình, dự án tài chính vi mô được thực hiện dưới các hình thức sau đây:

a) Tiếp nhận vốn tài trợ, viện trợ không hoàn lại, có hoàn lại của chính phủ, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;

b) Nhận tiền gửi tiết kiệm bắt buộc, tiền gửi tiết kiệm tự nguyện của khách hàng tài chính vi mô. Tổng mức tiền gửi tiết kiệm tự nguyện không vượt quá 30% tổng vốn được cấp của chương trình, dự án tài chính vi mô;

c) Vay tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Hoạt động cho vay của chương trình, dự án tài chính vi mô được thực hiện như sau:

a) Cho vay đối với khách hàng tài chính vi mô theo nguyên tắc:

(i) Tự chủ trong hoạt động cho vay và chịu trách nhiệm về quyết định cho vay của mình;

(ii) Theo thỏa thuận giữa chương trình, dự án tài chính vi mô và khách hàng tài chính vi mô, bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật. Nội dung thỏa thuận về cho vay giữa chương trình, dự án tài chính vi mô và khách hàng tài chính vi mô

phải được lập thành văn bản, trong đó tối thiểu có nội dung về quyền, trách nhiệm bên cho vay và bên vay; mục đích sử dụng vốn vay; thời hạn cho vay; mức cho vay; thời hạn hoàn trả nợ gốc và lãi vốn vay; lãi suất cho vay và hình thức bảo đảm tiền vay;

(iii) Lãi suất cho vay phù hợp với quy định của pháp luật, điều kiện cụ thể của chương trình, dự án tài chính vi mô, kế hoạch tài chính vi mô, bù đắp đủ chi phí hoạt động, tăng trưởng và không vì mục tiêu lợi nhuận.

b) Điều kiện cho vay:

(i) Khách hàng tài chính vi mô phải có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật về dân sự;

(ii) Việc cho vay đối với khách hàng tài chính vi mô được đảm bảo bằng tiền gửi tiết kiệm bắt buộc và/hoặc bảo lãnh của nhóm khách hàng tài chính vi mô;

(iii) Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp.

c) Mức cho vay tối đa đối với một khách hàng tài chính vi mô không vượt quá 50 triệu đồng Việt Nam.

3. Hoạt động khác của chương trình, dự án tài chính vi mô bao gồm:

a) Nhận ủy thác cho vay của tổ chức, cá nhân, chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ để cho vay đối với khách hàng tài chính vi mô, không vì mục tiêu lợi nhuận;

b) Mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại;

c) Đại lý cung cấp các sản phẩm bảo hiểm đối với khách hàng tài chính vi mô theo quy định của pháp luật;

d) Tư vấn, hỗ trợ, đào tạo cho các khách hàng tài chính vi mô các kiến thức liên quan đến sử dụng vốn vay, sản xuất, kinh doanh, đời sống, xã hội, môi trường và các kiến thức khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, đời sống vật chất, tinh thần của khách hàng tài chính vi mô.

Điều 14. Chế độ tài chính, hạch toán, kế toán và báo cáo

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ thực hiện chế độ tài chính, hạch toán kế toán và báo cáo tài chính đối với chương trình, dự án tài chính vi mô theo quy định của Bộ Tài chính và các quy định có liên quan của pháp luật.

2. Hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô được hạch toán kế toán độc lập với các hoạt động khác của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

3. Định kỳ 06 tháng trước thời hạn 31 tháng 01 và 31 tháng 7, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ gửi báo cáo tình hình hoạt động theo quy định tại Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định này như sau:

a) Đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng); Bộ Tài chính; Bộ Ngoại giao đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoặc Bộ Nội vụ đối với tổ chức phi chính phủ trong nước; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi địa bàn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô;

b) Đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh; Ủy ban nhân dân có thẩm quyền, Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi địa bàn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô.

Chương IV
CHUYỂN ĐỔI THÀNH TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ

Điều 15. Trường hợp chuyển đổi thành tổ chức tài chính vi mô

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ trong nước chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô thành tổ chức tài chính vi mô trong một trong các trường hợp sau:

a) Tự nguyện chuyển đổi;

b) Có tổng tài sản từ 75 tỷ đồng trở lên;

c) Có tổng dư nợ cho vay đối với khách hàng tài chính vi mô từ 50 tỷ đồng trở lên.

2. Điều kiện, hồ sơ, trình tự chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô thành tổ chức tài chính vi mô thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

Điều 16. Thời hạn thực hiện chuyển đổi

1. Thời hạn thực hiện chuyển đổi đối với các chương trình, dự án tài chính vi mô thuộc trường hợp chuyển đổi quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 15 Quyết định này như sau:

a) Chương trình, dự án tài chính vi mô phải chuyển đổi thành tổ chức tài chính vi mô trong thời hạn tối đa 24 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đối với các chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành;

b) Chương trình, dự án tài chính vi mô phải chuyển đổi thành tổ chức tài chính vi mô trong thời hạn tối đa 24 tháng, kể từ thời điểm báo cáo gần nhất về tình hình hoạt động quy định tại khoản 3 Điều 14 Quyết định này đối với các chương trình, dự án tài chính vi mô thuộc trường hợp chuyển đổi sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Trong thời gian tối đa 12 tháng sau thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ trong nước không thực hiện việc chuyển đổi thành tổ chức tài chính vi mô phải chấm dứt hoạt động hoặc giảm quy mô hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô đảm bảo không thuộc trường hợp chuyển đổi quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 15 Quyết định này.

3. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ trong nước có trách nhiệm đảm bảo các chương trình, dự án tài chính vi mô thực hiện chuyển đổi theo quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật liên quan.

Chương V
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TÀI CHÍNH VI MÔ

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với hoạt động của các chương trình, dự án tài chính vi mô nhằm bảo đảm các chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động an toàn, tuân thủ đúng quy định như sau:

a) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng) đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này;

b) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng thành phố Hà Nội và Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này. Định kỳ hàng năm, trước thời hạn 15 tháng 02, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tình hình đăng ký, hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Quy định quản lý ngoại hối đối với nguồn vốn ngoại tệ của chương trình, dự án tài chính vi mô theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Thực hiện quản lý nhà nước về tài chính đối với các chương trình, dự án tài chính vi mô thuộc chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc ban hành các văn bản hướng dẫn về chế độ tài chính, hạch toán, báo cáo tài chính đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 1 Điều 14 Quyết định này.

2. Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc xây dựng các chính sách thuế, chính sách hỗ trợ tài chính đối với chương trình, dự án tài chính vi mô.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

1. Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với tổ chức phi chính phủ do Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ cấp phép trong quá trình thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với việc quản lý và sử dụng các nguồn vốn phi chính phủ nước ngoài, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vay ưu đãi trong quá trình thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn.

Điều 20. Trách nhiệm của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ có chương trình, dự án tài chính vi mô

1. Chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ tài chính của chương trình, dự án tài chính vi mô; đảm bảo chương trình, dự án tài chính vi mô tuân thủ theo quy định tại Quyết định này.

2. Không được chia lợi nhuận hoặc sử dụng lợi nhuận từ hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô cho các hoạt động không phải là hoạt động tài chính vi mô dưới bất kỳ hình thức nào.

3. Chỉ đạo, giám sát chương trình, dự án tài chính vi mô công bố công khai các thông tin về lãi suất, quy định về tiền gửi tiết kiệm bắt buộc, sản phẩm cho vay, các thông tin về khách hàng và các thông tin khác trong hoạt động tài chính vi mô theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với chương trình, dự án tài chính vi mô đã hoạt động trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, trong thời hạn 150 ngày, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này các văn bản sau đây:

a) Đơn đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô theo quy định tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Báo cáo tình hình hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này.

3. Thỏa thuận cho vay bằng văn bản của các chương trình, dự án tài chính vi mô của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ trong nước, tổ chức phi chính phủ nước ngoài đối với khách hàng tài chính vi mô được ký kết trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết cho đến khi hết thời hạn của hợp đồng cho vay. Việc sửa đổi, bổ sung thỏa thuận cho vay chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp với các quy định tại Quyết định này.

4. Trong thời hạn 180 ngày, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, chương trình, dự án tài chính vi mô chưa có Giám đốc, Ban quản lý, các bộ phận theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 Quyết định này, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải xây dựng phương án xử lý, tự tổ chức triển khai thực hiện phương án xử lý và gửi phương án xử lý cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này.

Phương án xử lý tối thiểu phải có các nội dung sau:

a) Thực trạng về người quản lý, điều hành và các bộ phận;

b) Kế hoạch, biện pháp xử lý để đảm bảo trong thời hạn tối đa không quá 18 tháng, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành phải có đủ Giám đốc, Ban quản lý và các bộ phận theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 Quyết định này.

5. Trong thời hạn 360 ngày, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, chương trình, dự án tài chính vi mô có người quản lý, điều hành không đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Quyết định này phải xây dựng phương án xử lý, tự tổ chức triển khai thực hiện phương án xử lý và gửi phương án xử lý cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này.

Phương án xử lý tối thiểu phải có các nội dung sau:

a) Thực trạng về việc người quản lý, điều hành không đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Quyết định này;

b) Kế hoạch, biện pháp xử lý để đảm bảo trong thời hạn tối đa 18 tháng, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành có đủ người quản lý, điều hành đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Quyết định này.

6. Trong thời hạn 360 ngày, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, chương trình, dự án tài chính vi mô chưa có các quy định nội bộ hoặc đã có các quy định nội bộ nhưng chưa đáp ứng các quy định tại Điều 11 Quyết định này, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ và gửi cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Quyết định này.

7. Chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ được thành lập và hoạt động trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành có nhận tiền gửi tiết kiệm tự nguyện của khách hàng không phải khách hàng tài chính vi mô hoặc nhận tiền gửi tiết kiệm tự nguyện của khách hàng tài chính vi mô vượt quá tỷ lệ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Quyết định này được xử lý như sau:

a) Không được nhận thêm tiền gửi tiết kiệm tự nguyện;

b) Trong thời hạn 180 ngày, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, phải xây dựng, triển khai phương án xử lý và gửi phương án xử lý cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này.

Phương án xử lý tối thiểu phải có các nội dung sau:

(i) Tổng số khách hàng tài chính vi mô; tổng số khách hàng không phải khách hàng tài chính vi mô có tiền gửi tiết kiệm tự nguyện;

(ii) Thời hạn gửi còn lại của khoản tiền gửi tiết kiệm tự nguyện ngắn nhất, dài nhất;

(iii) Tổng số dư tiền gửi tiết kiệm tự nguyện của khách hàng tài chính vi mô; tổng số dư tiền gửi tiết kiệm tự nguyện của khách hàng không phải khách hàng tài chính vi mô;

(iv) Kế hoạch, biện pháp xử lý để đảm bảo trong thời hạn tối đa không quá thời hạn gửi còn lại của khoản tiền gửi tiết kiệm tự nguyện có thời hạn dài nhất đảm bảo tỷ lệ theo quy định.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2017.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô
Mẫu số 02	Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô
Mẫu số 03	Báo cáo tình hình hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô (tên của chương trình, dự án)
Mẫu số 04	Báo cáo tình hình hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn

Mẫu số 01

(TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TCVM)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*(Tỉnh, thành phố)... ngày..... tháng..... năm....*

ĐƠN ĐĂNG KÝ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TÀI CHÍNH VI MÔ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố....)

- (Tên tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô)

- Địa chỉ trụ sở làm việc:.....

- Điện thoại:..... Fax:.....

- Website (nếu có):.....

Đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô và địa bàn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô như sau:

1. Tên chương trình, dự án tài chính vi mô:.....

- Tên viết bằng tiếng Việt:.....

- Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

- Tên viết tắt (nếu có):.....

2. Địa chỉ trụ sở của chương trình, dự án tài chính vi mô:

- Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn:..... Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố (thuộc tỉnh):..... Tỉnh/Thành phố:.....

- Điện thoại:..... Fax:.....

- Email:..... Website:.....

3. Địa bàn hoạt động: (Ghi cụ thể địa bàn hoạt động theo địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được Ủy ban nhân dân có thẩm quyền chấp thuận, phê duyệt, cho phép việc thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn).

4. Vốn được cấp:

a) Số vốn được cấp:.... (Việt Nam đồng);

b) Nguồn gốc:.... (Ghi rõ tổ chức, cơ quan cấp vốn).

5. Nội dung hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô:

- Liệt kê các hoạt động dự kiến của chương trình, dự án tài chính vi mô.

- Đối tượng khách hàng tài chính vi mô.

- Cho vay đối với khách hàng tài chính vi mô.

6. Thời hạn hoạt động của chương trình dự án, tài chính vi mô:.... (năm)

.... (Tên tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ) xin cam kết về tính xác thực của thông tin và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin này./.

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ
CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TÀI CHÍNH VI MÔ
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 02

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM **(NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH/TP…)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…./CNĐK-TCVM	*(Tỉnh, thành phố), ngày... tháng.... năm....*

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TÀI CHÍNH VI MÔ

1. Tên chương trình, dự án tài chính vi mô:.....
- Tên viết bằng tiếng Việt:.....
- Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....
- Tên viết tắt (nếu có):.....

2. Địa chỉ trụ sở của chương trình, dự án tài chính vi mô:
- Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn:..... Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố (thuộc tỉnh):..... Tỉnh/Thành phố:.....
- Điện thoại:..... Fax:.....
- Email:..... Website:.....

3. Vốn thực hiện tài chính vi mô:
a) Số tiền: (Việt Nam đồng);
b) Nguồn gốc: (Ghi rõ tổ chức, cơ quan cấp vốn).

4. Tên người quản lý, điều hành:
Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):..... Giới tính:.....
Sinh ngày:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:.....
Số giấy chứng thực cá nhân:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
Chỗ ở hiện tại:.....

5. Địa bàn hoạt động: (Ghi cụ thể địa bàn hoạt động theo địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đăng ký của chương trình, dự án tài chính vi mô).

6. Thời hạn hoạt động của chương trình dự án, tài chính vi mô:…. (năm).

7. Nội dung hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô:
- Liệt kê các hoạt động dự kiến của chương trình, dự án tài chính vi mô.
- Đối tượng khách hàng tài chính vi mô.
- Cho vay đối với khách hàng tài chính vi mô.

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 03

(CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TCVM)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

(Tỉnh, thành phố).... ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TÀI CHÍNH VI MÔ (TÊN CỦA CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN)
(Từ thời gian.... đến....)

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố....)

1. Tình hình tài chính

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Khoản mục	Hướng dẫn
1	Vốn được cấp	
2	Vốn huy động	=2.1+2.2+2.3+2.4+2.5
2.1	Vốn tài trợ, viện trợ không hoàn lại, có hoàn lại của chính phủ, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài	
2.2	Tiền gửi tiết kiệm bắt buộc	
2.3	Tiền gửi tiết kiệm tự nguyện	
2.4	Vốn vay từ các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài	
2.5	Vốn vay của các tổ chức cho vay gián tiếp	
3	Cho vay	=3.1+3.2+3.3
3.1	Cho vay cá nhân	
3.2	Cho vay doanh nghiệp siêu nhỏ	
3.3	Cho vay theo ủy thác	
4	Nợ quá hạn	
5	Số dư tiền gửi tại các ngân hàng thương mại	
6	Chi phí	=6.1+6.2
6.1	Chi phí trả lãi	
6.2	Chi phí hoạt động	
7	Thu nhập	=7.1+7.2
7.1	Thu nhập từ lãi	
7.2	Thu nhập khác	
8	Hệ số tự vững (%)	

2. Tình hình hoạt động:

a) Địa bàn hoạt động:.....

b) Lãi suất:.....

- Lãi suất cho vay (tính trung bình):.....

- Lãi suất huy động (tính trung bình):.....

c) Thời hạn khoản vay (tính trung bình):.....

d) Mức cho vay trung bình/khách hàng tài chính vi mô (nghìn đồng/khách hàng):.....

đ) Số lượng khách hàng tài chính vi mô tính đến thời điểm báo cáo:.....

e) Hoạt động cung cấp dịch vụ phi tài chính, sinh kế, tư vấn, hỗ trợ đào tạo cho các khách hàng tài chính vi mô:.....

g) Hoạt động đại lý cung cấp các sản phẩm bảo hiểm đối với khách hàng tài chính vi mô (nếu có):.....

h) Các thông tin khác (nếu có):.....

3. Cơ cấu tổ chức:

a) Số lượng cán bộ:.....

b) Số lượng cộng tác viên:.....

c) Số lượng tổ nhóm:.....

4. Đề xuất, kiến nghị:.....

ĐẠI DIỆN CỦA CHƯƠNG TRÌNH,
DỰ ÁN TÀI CHÍNH VI MÔ
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 04

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC** **CHI NHÁNH TỈNH/TP…**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*(Tỉnh, thành phố), ngày… tháng… năm…*

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TÀI CHÍNH VI MÔ TRÊN ĐỊA BÀN
(Năm...)

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

1. Tình hình hoạt động:

a) Về các chương trình, dự án tài chính vi mô:

- Số lượng chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn đến thời điểm báo cáo:.....

- Số lượng chương trình, dự án tài chính vi mô đăng ký mới trong năm:...

- Số lượng chương trình, dự án tài chính vi mô bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký trong năm:.....

- Số lượng chương trình, dự án tài chính vi mô có phương án thực hiện chuyển tiếp theo quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ đến thời điểm báo cáo:

- Số lượng chương trình, dự án tài chính vi mô đang thực hiện chuyển đổi thành tổ chức tài chính vi mô đến thời điểm báo cáo:.....

b) Về tình hình hoạt động:

- Lãi suất:

+ Lãi suất cho vay (tính trung bình):.....

+ Lãi suất huy động (tính trung bình):.....

- Thời hạn khoản vay (tính trung bình):.....

- Mức cho vay trung bình/khách hàng tài chính vi mô (nghìn đồng/khách hàng):.....

- Hoạt động cung cấp dịch vụ phi tài chính, sinh kế, tư vấn, hỗ trợ đào tạo cho các khách hàng tài chính vi mô:.....

2. Tình hình tài chính:

Đơn vị: nghìn đồng

Tên chương trình, dự án tài chính vi mô....	**Khoản mục tài chính**							
	Vốn được cấp	**Vốn huy động**	**Cho vay**	**Nợ quá hạn**	**Số dư tiền gửi tại các ngân hàng thương mại**	**Chi phí**	**Thu nhập**	**Hệ số tự vững (%)**

3. Đề xuất, kiến nghị:.....

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)